

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST
Ngày 11-6-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Bà Đồng Thị Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số **17/2021/QĐST-DS** ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ: Tầng 38, Tòa nhà Keang Nam, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy D – Cán bộ Ngân hàng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 741 ngày 06 tháng 10 năm 2020); có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P sinh năm 1997, trú tại thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng V (viết tắt là Ngân hàng) do ông **Nguyễn Huy D** là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngân hàng cho bị đơn ông Nguyễn Văn P vay tiền theo hai hợp đồng tín dụng gồm:

- Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân Shinhan kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10 tháng 10 năm 2018 (viết tắt là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng), Ngân hàng cấp cho ông P Thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, kích hoạt thẻ ngày 18 tháng 10 năm 2018; lãi suất trong hạn là 31,8%/năm, phí phạt 4%/số tiền chậm thanh toán và phí tín nhận 11.000 đồng/tháng (theo điều kiện và điều khoản thẻ tín dụng cá nhân, biểu phí của Ngân hàng).

- Căn cứ Giấy đề nghị vay tiêu dùng kèm hợp đồng tín dụng ngày 23 tháng 10 năm 2018 và khế ước nhận nợ ngày 23 tháng 10 năm 2018 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng), Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn P vay số tiền 110.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 37 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, lãi suất vay trong hạn là 12%/năm, lãi suất vay quá hạn là 150% lãi suất trong hạn và lãi phạt trả lãi không quá 10%/tháng, phương thức trả nợ gốc và lãi hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng trên, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong việc mở thẻ tín dụng cho ông P sử dụng và giải ngân cho ông P theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng nói trên, cụ thể:

- Đối với hợp đồng thẻ tín dụng: Ngân hàng đã mở thẻ cho ông P sử dụng số thẻ 4030130000710492 với số tiền hạn mức 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân và kích hoạt thẻ ngày 18 tháng 10 năm 2018. Quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt cho đến nay ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22.735.762 đồng, trong đó tiền lãi, phí phạt, phí tín nhận là 5.750.003 đồng còn lại là 16.985.759 đồng trả vào tiền gốc. Số tiền ông P đã chi tiêu từ thẻ tín dụng là 21.781.448 đồng, như vậy ông P còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 21.781.448 đồng – 16.985.759 đồng = 4.795.689 đồng. Ông P chi tiêu từ thẻ tín dụng lần cuối vào ngày 09/5/2019 và thanh toán lần cuối là ngày 05/3/2020. Do ông P không trả tiền gốc cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông P và số tiền nợ gốc 4.795.689 đồng ông P phải chịu lãi là 31,8%/năm, phí phạt, phí tín nhận theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Từ ngày 05/4/2020 đến ngày 07/12/2020 nợ lãi là 1.046.339 đồng, phí phạt quá hạn là 1.250.000 đồng và phí tín nhận là 11.000 đồng. Số tiền ông P còn nợ Ngân hàng từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 7.103.028 đồng, trong đó: nợ gốc 4.795.689 đồng, nợ lãi 1.046.339 đồng, phí phạt quá hạn 1.250.000 đồng và phí tín nhận 11.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng: Ngân hàng đã giải ngân cho ông P vay số tiền 110.000.000 đồng vào số tài khoản 700009296147 của ông P mở tại Ngân hàng vào ngày 23/10/2018. Ông P thanh toán từ ngày 23/11/2018 đến ngày 25/10/2019 tổng số tiền là 42.923.536 đồng, trong đó nợ gốc 31.270.703 đồng, lãi trong hạn 11.609.781 đồng, lãi quá hạn 36.616 đồng và lãi phạt 6.436 đồng. Số tiền ông Nguyễn Văn P còn nợ từ Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 10/6/2021 là 101.280.263 đồng, trong đó nợ gốc 78.729.297 đồng, lãi trong hạn 1.578.900 đồng, lãi quá hạn 20.734.909 đồng và lãi chậm trả lãi 237.157 đồng.

Do ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ các hợp đồng tín dụng nêu trên nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của hai hợp đồng nêu trên tính đến ngày 10/6/2021 với tổng số tiền là 108.383.291 đồng, gồm tiền nợ từ Hợp đồng tín dụng là 101.280.263 đồng và tiền nợ từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 7.103.028 đồng. Ông P phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 11/6/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Đối với số tiền lãi của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 08/12/2020 đến ngày 10/6/2021 Ngân hàng không yêu cầu ông P trả.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 14 Điều 4, các điều 90, 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Văn P trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Hợp đồng tín dụng là 108.383.291 đồng, trong đó: nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 7.103.208 đồng và tiền nợ của Hợp đồng tín dụng là 101.280.263 đồng. Kể từ ngày 11/6/2021 ông Nguyễn Văn P tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả xong nợ; Về án phí: Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn P trả tiền nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân Shinhan kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/10/2018 và Giấy đề nghị vay tiêu dùng kèm hợp đồng tín dụng ngày 23/10/2018 với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Hiện nay ông P có địa chỉ cư trú tại thôn Hà Nhuận

1, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn P nhưng tại phiên tòa lần thứ hai ông P vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn P.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn P đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung các hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là mở thẻ cho ông P sử dụng vào ngày 18/10/2018 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức cấp ban đầu là 15.000.000 đồng và giải ngân cho ông P vay số tiền 110.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ ngày 23/10/2018 nhưng ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của các bên từ các hợp đồng trên nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P trả nợ là có căn cứ.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân Shinhan kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/10/2018 và Giấy đề nghị vay tiêu dùng kèm hợp đồng tín dụng ngày 23/10/2018 do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Số tiền nợ gốc Ngân hàng đã giải ngân cho ông P vay từ Hợp đồng tín dụng là 110.000.000 đồng, tính đến ngày 25/10/2019 ông P đã trả Ngân hàng số tiền gốc là 31.270.703 đồng và còn nợ lại 78.729.297 đồng; đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 05/4/2020 còn nợ số tiền gốc là 4.795.689 đồng. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc ông P phải trả cho Ngân hàng từ các hợp đồng trên là 83.524.986 đồng và lãi phát sinh. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông P phải trả khoản tiền nợ gốc của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 4.795.689 đồng và tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng là 78.729.297 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với khoản tiền lãi, phí phạt, phí tin nhắn:

[6.1] Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng kèm theo Điều kiện và điều khoản thẻ tín dụng cá nhân và biểu phí của Ngân hàng quy định: Lãi suất 31,8%/năm, phí phạt quá hạn 4% dư nợ quá hạn, phí tin nhắn 11.000 đồng/tháng. Do ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã phát sinh nợ lãi, phí phạt quá hạn và phí tin nhắn trong thời gian sử dụng thẻ nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông P phải trả số tiền lãi, phí phạt và phí tin nhắn của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là có căn cứ chấp nhận. Từ ngày 05/4/2020 đến ngày 07/12/2020 số tiền lãi và tiền

phí phạt quá hạn, phí tin nhắn của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 1.046.339 đồng + 1.250.000 đồng + 11.000 đồng = 2.307.339 đồng.

[6.2] Đối với số tiền gốc của Hợp đồng tín dụng chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/11/2019, theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì lãi suất trong hạn là 12%/năm và lãi suất quá hạn lãi suất vay quá hạn là 150% lãi suất trong hạn và lãi phạt trả lãi là không quá 10%/tháng. Do ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đã phát sinh lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P trả các khoản lãi này là có căn cứ chấm nhận. Tính đến ngày 10/6/2021 ông P còn nợ Ngân hàng số tiền lãi từ Hợp đồng tín dụng là 22.550.966 đồng, gồm: lãi trong hạn 1.578.900 đồng, lãi quá hạn 20.734.909 đồng và lãi chậm trả lãi 237.157 đồng.

[6.3] Kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2021 ông Nguyễn Văn P còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[6.4] Số tiền lãi của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 08/12/2020 đến ngày 10/6/2021 Ngân hàng không yêu cầu ông P trả nên Tòa án không giải quyết.

[7] Số tiền ông P nợ Ngân hàng từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 07/12/2020 là 7.103.028 đồng, gồm: nợ gốc 4.795.689 đồng, nợ lãi 1.046.339 đồng, phí phạt 1.250.000 đồng và phí tin nhắn là 11.000 đồng. Số tiền ông P nợ từ Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 10/6/2021 là 101.280.263 đồng, trong đó nợ gốc 78.729.297 đồng, lãi trong hạn 1.578.900 đồng, lãi quá hạn 20.734.909 đồng và lãi chậm trả lãi 237.157 đồng. Tổng số tiền ông P còn nợ Ngân hàng từ hai hợp đồng trên tính đến ngày 10/6/2021 là 108.383.291 đồng.

[8] Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P trả số tiền nợ 108.383.291 đồng từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Hợp đồng tín dụng và kể từ ngày 11/6/2021 ông P còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong các hợp đồng trên cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

- Về án phí:

[9] Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp

- Về quyền kháng cáo:

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào **khoản 3 Điều 26**, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 14 Điều 4, các điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; **Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị** quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với ông Nguyễn Văn P. Buộc ông Nguyễn Văn P phải trả cho Ngân hàng V số tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân Shinhan kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/10/2018 và Giấy đề nghị vay tiêu dùng kèm hợp đồng tín dụng ngày 23 tháng 10 năm 2018 tính đến ngày 10 tháng 6 năm 2021 là 108.383.291 đồng (Một trăm linh tám triệu ba trăm tám mươi ba nghìn hai trăm chín mươi hai đồng), trong đó: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 7.103.028 đồng (gồm nợ gốc 4.795.689 đồng, nợ lãi 1.046.339 đồng, phí phạt 1.250.000 đồng và phí tin nhắn 11.000 đồng); Hợp đồng tín dụng là 101.280.263 đồng (gồm nợ gốc 78.729.297 đồng, lãi trong hạn 1.578.900 đồng, lãi quá hạn 20.734.909 đồng và lãi chậm trả lãi 237.157 đồng).

Kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2021 ông Nguyễn Văn P còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân Shinhan kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/10/2018 và Giấy đề nghị vay tiêu dùng kèm hợp đồng tín dụng ngày 23/10/2018 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn P phải nộp phải chịu 5.419.000 **đồng** án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng V số tiền 2.438.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương theo Biên lai số 0012918 ngày 27 tháng 11 năm 2020.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Dương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên